

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày: 30/12/2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Phan Ngọc Rỹ

Ông Lê Quang Diêu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Bé Lin – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh S. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 12/02/1982, tại Thành phố Cần Thơ. Nơi thường trú: 4 N, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 12/12. Cha: Nguyễn Thanh B, sinh năm 1952 (chết). Mẹ: Trần Thị Thu H, sinh năm 1955 (chết). Anh, em ruột: Không. Vợ: Phan Thị Diễm X, sinh năm 1983. Con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Huỳnh S bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (có mặt).

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Ông Đỗ Thành T, Luật sư Văn phòng luật sư Đỗ Thành T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

- **Bị hại:** Công ty TNHH K

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty:

1. Bùi Tấn Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: số C, đường Đ, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Nguyễn Xuân L, sinh năm 1990; Địa chỉ: số A, đường T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Trần Bửu L1, sinh năm 1980; Địa chỉ: số B, ấp B, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; Địa chỉ: số F, tổ H, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Tuấn A, sinh năm 1983; Địa chỉ: số B, đường P, phường F, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Lê Anh T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: số C, khu phố D, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984; Địa chỉ: số H, đường H, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH K, địa chỉ: Lô B, đường số G, KCN T, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng lao động thuê Nguyễn Huỳnh S lái xe ô tô cho Công ty. Nhiệm vụ của S là lái xe, còn việc quản lý xe là của Phòng kho vận; lái xe muốn lấy xe đi phải do Trưởng phòng phê duyệt. Do sắp đến ngày bảo dưỡng xe nên ông Nguyễn Văn H1 là Trưởng phòng kho vận kêu S đem xe đến Showroom Toyota H, tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo dưỡng định kỳ. Ngày 07/10/2020, S làm đề nghị bảo dưỡng định kỳ và thay bộ ly hợp đối với xe ô tô Toyota Fortuner biển số 51G-203.19 được H1 phê duyệt. Ngày 08/10/2020, S được bộ phận quản lý kho vận của Công ty chi 15.000.000 đồng tiền tạm ứng sửa chữa xe. Ngày 14/10/2020, S đem tiền tạm ứng trên đến quán D, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh bạc; S vay thêm 60.000.000 đồng của các đối tượng cho vay (không rõ nhân thân, lai lịch) tham gia đánh bạc và thua hết tiền. Ngày 16/10/2020, S vào Công ty lấy xe đem đến Showroom theo lịch đã hẹn, S chạy xe đến trước cửa S1 và gọi bạn mượn tiền bảo dưỡng xe nhưng bạn hẹn chiều mới có tiền. S lái xe đến quán cà phê tại Quận H để chờ. Khoảng 16 giờ, S bị gọi điện thoại đòi nợ. Lúc này do không có tiền trả nợ nên S nảy sinh ý định đem xe ô tô biển số 51G-203.19 đi cầm cố lấy tiền. S gặp Phạm Tuấn A, S nói cho Tuấn A biết việc muốn cầm xe với số tiền 100.000.000 đồng xe do S mua lại nhưng do mẹ S bệnh nặng, cần tiền gấp, 04 ngày sau sẽ trả tiền và lấy xe về. Tuấn A điện thoại cho Trần Bửu L1 nói với L1 việc S muốn cầm xe ô tô và L1 đồng ý. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T3 dẫn S đến nhà của L1 tại Ấp A, xã M, huyện B để bàn bạc việc

cầm xe. L1 viết hợp đồng cầm xe ô tô và ghi tên là bà Nguyễn Thị T1; bên cầm xe là Nguyễn Huỳnh S, tài sản cầm cố là 01 xe ô tô Toyota Fortuner màu bạc biển số 516-203.19, số máy: 2KDU926027, số khung: 69G7G4031749, với số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng và xác định tài sản cầm cố hoàn toàn không có tranh chấp. Sau khi viết sẵn hợp đồng, L1 kêu bà T1 đến nhà L1 ký tên vào hợp đồng cùng với Nguyễn Huỳnh S, Phạm Tuấn A ký tên người làm chứng. L1 đứng ra giữ xe và cất giữ giấy tờ xe, lấy trước tiền lãi là 3.000.000 đồng, S nhận thực tế 97.000.000 đồng. S cho T3 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 94.000.000 đồng, S đem đi trả tiền nợ vay 60.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi, còn lại là 22.000.000 đồng, S tiếp tục đánh bạc và thua hết.

Ngày 17/10/2020, S đến Công ty làm việc và báo với quản lý bộ phận là đã đem xe đi bảo dưỡng chưa xong. Đến chiều cùng ngày, anh Lê Anh T2 là T4 bộ phận quản lý biết được S không đem xe để bảo trì, sửa chữa như lịch hẹn. Ngày 18/10/2020, S thừa nhận mang xe đi cầm và không có tiền để chuộc lại. Ngày 23/10/2020, Công ty ứng tiền chuộc xe và yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại huyện B tham gia ghi nhận sự việc diễn ra làm chứng cứ giải quyết vụ việc khi cần thiết. T2 cùng S đến nhà của L1, T2 trả cho L1 số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Sự việc đã được Văn phòng Thừa phát lại huyện B lập Vi bằng số 2863/2020/VB-TPLHBC lúc 13 giờ 40 ngày 23/10/2020, tại số H, Lô C, Quốc lộ A, Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi vụ việc xảy ra, Công ty có Quyết định cho S nghỉ việc và yêu cầu S trả lại số tiền 116.500.000 đồng cho Công ty chậm nhất vào ngày 30/11/2020. Công ty nhiều lần mời S làm việc, S không đến mà cố ý lẩn tránh. Ngày 18/10/2021, ông Nguyễn Hữu Q là đại diện pháp luật của Công ty gửi đơn tố cáo hành vi phạm tội của S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

* Tại Kết luận giám định số 80 ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị xe ô tô biển số 51G-203.19, nhãn hiệu Toyota, loại xe Fortuner, màu sơn bạc, trị giá 583.333.300 đồng.

* Tại Kết luận giám định số 423 ngày 11/7/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký bằng bút bic màu xanh ở mục “Tài xế” trên tờ “Đề nghị bảo dưỡng sửa chữa xe” ký hiệu A1, chữ ký và chữ viết “Ng~ Huỳnh S” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người nhận” trên tờ “Phiếu chi” ký hiệu A2 với: Chữ ký mang tên “Nguyễn Huỳnh S” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người lao động” trên tờ “Hợp đồng lao động” ký hiệu M1; chữ ký và chữ viết “Nguyễn Huỳnh S” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình”

(trang 02 và 04) trên tờ “Bản tự khai” ký hiệu M2; chữ ký và chữ viết “Nguyễn Huỳnh S” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người khai”, chữ ký bằng bút bic màu xanh ở phía trên bên trái mục “Hỏi và đáp” của trang 01, lề dưới của trang 01, 02 và 03 trên tờ “Biên bản ghi lời khai” ký hiệu M3 là do cùng một người ký và viết ra.

* Tại Kết luận giám định số 591 ngày 18/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký và chữ viết mang tên “Nguyễn Huỳnh S” ở mục “Bên cầm cố” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với: Chữ ký mang tên “Nguyễn Huỳnh S” ở mục “Người lao động” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1; chữ ký và chữ viết mang tên “Nguyễn Huỳnh S” ở mục “Người tự khai/Người tường trình” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 và M4, ở mục “Người khai” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 và M5 là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 88/CT-VKSLA-P2 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử:

Bị cáo Nguyễn Huỳnh S đã phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố và xác định bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm luận tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH K số tiền thiệt hại là 116.500.000đ, khấu trừ số tiền 8.000.000đ bà M, khấu trừ số tiền 3.000.000đ Tuấn A hoàn trả và đã nộp khắc phục thay cho bị cáo. Riêng số tiền 4.500.000đ do Trần Bửu L1 thu lợi bất chính cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được chính quyền địa phương xác định có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tác động bạn là bà Nguyễn Thị M nộp tiền khắc phục là 8.000.000đ; Công ty TNHH K cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo và yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH K số tiền 116.500.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh xác Đ1 là bạn gái của bị cáo S, bà M đã nộp 8.000.000đ để khắc phục thay cho bị cáo S và không yêu cầu bị cáo S phải hoàn trả lại cho bà M số tiền này.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 14/10/2020, Nguyễn Huỳnh S là nhân viên lái xe của Công ty TNHH K được chi số tiền 15.000.000 đồng để bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô biển số 51G-203.19, tuy nhiên, S đem 15.000.000 đồng đi đánh

bạc và S vay thêm bên ngoài 60.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc và thua hết tiền. Ngày 16/10/2020, S vào Công ty lấy xe đem đến Showroom để bảo dưỡng xe nhưng không có. S đã nảy sinh ý định đem xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ nên thông qua Phạm Tuấn A, Trần Bửu L1, S đã mang xe đến Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An cầm cố xe cho bà Nguyễn Thị T1 với giá 100.000.000 đồng. Ngày 18/10/2020, Công ty yêu cầu S đem xe về phục vụ công tác thì S thừa nhận đã đem xe đi cầm và tiêu xài cá nhân hết tiền cầm xe và tiền bảo dưỡng. Đến ngày 23/10/2020, ông Lê Anh T2 đại diện Công ty đến nhà của L1 để trả 100.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi lấy xe về. Sau đó, Công ty nhiều lần yêu cầu S trả lại tiền nhưng S không trả tiền cho Công ty và cố ý lẩn tránh. Tài sản mà S chiếm đoạt là 15.000.000 đồng và xe ô tô biển số 51G-203.19 có trị giá là 583.333.300 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH K và xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ nhận thức việc tài sản của Công ty TNHH K là do công sức lao động và việc kinh doanh làm ra. Quyền sở hữu tài sản của các chủ sở hữu đều được pháp luật bảo vệ, việc định đoạt tài sản phải được sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng vì động cơ cần tiền trả nợ và đánh bạc, bị cáo đã nhận tiền và xe ô tô của Công ty TNHH K một cách hợp pháp để đi bảo trì, bảo dưỡng xe nhưng sau khi nhận được tài sản thì bị cáo nảy sinh ý định thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH K bằng cách đem cầm xe ô tô cho Trần Bửu L1. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH K là xe ô tô biển số 51G-203.19 có trị giá là 583.333.300 đồng và 15.000.000đ tiền mặt, tổng giá trị chiếm đoạt trên 500.000.000đ nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố các bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: Ngày 07/10/2020, bị cáo chiếm đoạt 15.000.000đ của Công ty K sau khi nhận tiền để bảo dưỡng xe nhưng không bảo dưỡng mà đem đi đánh bạc. Đến ngày 18/10/2020, bị cáo được giao xe ô tô biển số 51G-203.19 đi bảo dưỡng nhưng lại mang xe ô tô trên đi cầm cho Trần Bửu L1. Do đó, bị cáo S phải chịu tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động người thân bồi thường 8.000.000đ, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đó là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH K số tiền bị thiệt hại là 116.500.000đ.

[8] Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra thu giữ 01 giấy đề nghị bảo dưỡng sửa chữa xe; 01 phiếu chi 15.000.000 đồng; 01 hợp đồng cầm cố xe ô tô. Các tài liệu trên là vật chứng cần lưu hồ sơ vụ án. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thu giữ: Số tiền 4.500.000 đồng là tiền lãi mà Trần Bửu L1 đã nhận cầm xe ô tô của Nguyễn Huỳnh S; 3.000.000 đồng là số tiền mà Nguyễn Huỳnh S đã cho Phạm Tuấn A. L1 và Tuấn A tự nguyện nộp lại trả cho S. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 và Điều 47 Bộ luật Hình sự, tiếp tục tạm giữ số tiền 8.000.000đ do bà Nguyễn Thị M đã nộp cho bị cáo để bồi thường cần tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án. Đối với số tiền 4.500.000đ do Trần Bửu L1 nộp là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 3.000.000đ do bị cáo cho Phạm Tuấn A và Tuấn A nộp trả lại cho bị cáo cần tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[9] Đối với hành vi của Trần Tuấn A1 chỉ là người giới thiệu bị cáo S với L1, A1 không biết hành vi phạm tội của bị cáo, việc cầm cố là do S, L1 và T1 thỏa thuận nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Trần Bửu L1 và Nguyễn Thị T1 tuy không có giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm cố tài sản. Tuyết thông qua Trần Tuấn A1 môi giới, dù biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51G-203.19 đứng tên Công ty TNHH K nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên đã nhận cầm cố tài sản đối với người cầm cố không phải là chủ sở hữu. L1 bỏ tiền ra cầm 100.000.000đ nhưng không đứng tên hợp đồng mà để T1 đứng tên thu lợi bất chính 4.500.000đ. Hành vi đó của L1 và T1 có dấu hiệu của tội phạm nên kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L tiếp tục làm rõ

và xem xét hành vi của L1 và T1 về dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Huỳnh S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Huỳnh S 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 07 năm 2024.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Huỳnh S 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để bảo đảm cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Nguyễn Huỳnh S phải có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH K số tiền 116.500.000đ (một trăm mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Đối với các tài liệu là 01 giấy đề nghị bảo dưỡng sửa chữa xe; 01 phiếu chi 15.000.000 đồng; 01 hợp đồng cầm cố xe ô tô. Các tài liệu trên là vật chứng cần lưu hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 106 và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng do Trần Bửu L1 thu lợi bất chính. Chuyển số tiền 3.000.000đ do Trần Tuấn A1 đã nộp trả bị cáo S và số tiền 8.000.000đ do Nguyễn Thị M sang khoản thi hành án đối với bị cáo S (Toàn bộ số tiền trên do Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An quản lý theo Ủy nhiệm chi ngày 15/11/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.825.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- CQĐT Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh